

Số: 2045/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch và Quy định quản lý
theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần,
tỉnh Trà Vinh đến năm 2030**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH TRÀ VINH

ĐẾN Số:
Ngày: 17/10/2018
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 21/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng thị trấn Tiểu Cần đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2020, định hướng phát triển huyện Tiểu Cần thành thị xã trực thuộc tỉnh sau năm 2020;

Ude

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/07/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tiểu Cần về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 03/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 (đính kèm Báo cáo kết quả thẩm định đồ án số 05/BCTĐQH-SXD ngày 10/7/2018 của Sở Xây dựng; Báo cáo số 337/BC-SXD ngày 07/9/2018 của Sở Xây dựng về việc giải trình nội dung xin phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 với các nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới vùng lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch xây dựng vùng gồm toàn bộ ranh giới huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; diện tích khoảng 227,2 km², ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Càng Long;
- Phía Nam giáp huyện Trà Cú và sông Hậu
- Phía Đông giáp huyện Châu Thành;
- Phía Tây giáp huyện Cầu Kè và sông Hậu.

2. Tính chất và mục tiêu:

a) Tính chất:

- Khu vực đô thị hóa quan trọng của tỉnh với trục phát triển hình thành bởi thị trấn Tiểu Cần và thị trấn Cầu Quan, thuộc hành lang đô thị phía Đông sông Hậu.

- Vùng phát triển thương mại - dịch vụ, văn hóa và sản xuất nông nghiệp chất lượng cao.

- Vùng phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cảng dọc sông Hậu.

b) Mục tiêu:

Uta

- Trở thành trung tâm của cụm phát triển đô thị phía Tây của tỉnh, gồm: Cầu Quan - Tiêu Cần - Cầu Kè; có vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng;

- Trở thành đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh với các tỉnh lân cận;

- Hoàn thiện tiêu chí huyện đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới cuối năm 2018 và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh sau năm 2020.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

a) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng xã hội:

- Dân số:

+ Hiện trạng : khoảng 112.363 người (thống kê tháng 12/2017);

+ Đến năm 2020 : khoảng 137.000 người;

+ Đến năm 2030 : khoảng 170.000 người;

+ Tỷ lệ gia tăng dân số trung bình: khoảng 1,4%/năm.

- Các chỉ tiêu đất xây dựng đô thị:

+ Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình của toàn đô thị : $\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất cây xanh công cộng ngoài đơn vị ở : 4 - 10 $\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở trong đơn vị ở: $\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Đất y tế: $\geq 2,4$ giường/1.000 dân.

- Các chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

+ Đất ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất xây dựng công trình dịch vụ : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất cây xanh công cộng : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Tỷ lệ các loại đất trong khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (trên diện tích toàn khu):

+ Nhà máy, kho tàng : $\geq 55 \%$;

+ Các khu kỹ thuật : $\geq 1 \%$;

+ Công trình hành chính, dịch vụ : $\geq 1 \%$;

+ Giao thông : $\geq 8 \%$;

+ Cây xanh : $\geq 10\%$.

b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông và giao thông tĩnh trong đất xây dựng đô thị:

Vete

- + Tính đến đường liên khu vực : $\geq 6\%$.
- + Tính đến đường khu vực : $\geq 13\%$;
- + Tính đến đường phân khu vực : $\geq 18\%$.
- Chỉ tiêu cấp nước:
 - + Đô thị : 100 - 150 lít/người.ngày đêm;
 - + Nông thôn : 80 lít/người.ngày đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước : 100% cấp nước.
- Rác thải : 0,8 - 0,9 kg/người.ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp điện : 1.000 - 1.500 kWh/người.năm.
- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng: 30 - 40% phụ tải điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng: 50 - 350 kW/ha.
- Thông tin liên lạc: Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân; số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân; số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

4. Định hướng tổ chức không gian vùng:

- Vùng huyện Tiểu Cần với 2 đô thị Tiểu Cần và Cầu Quan làm trung tâm phát triển chính; trong đó, định hướng đô thị Tiểu Cần đạt tiêu chí đô thị loại IV năm 2020. Định hướng đô thị hóa và tổ chức các tuyến giao thông kết nối 2 đô thị.

- Các khu trung tâm xã phát triển từ trung tâm hiện hữu.
- Hệ thống dân cư phát triển theo cụm và theo các tuyến giao thông chính.
- Các trung tâm cụm xã bố trí phù hợp với vị trí chức năng của từng khu vực:

+ Cụm phía Tây (thị trấn Cầu Quan - xã Long Thới): Trung tâm là thị trấn Cầu Quan, tổ chức khu công trình công cộng tập trung phục vụ thị trấn Cầu Quan và xã Long Thới;

+ Cụm Trung tâm (thị trấn Tiểu Cần - xã Phú Cần): Trung tâm là thị trấn Tiểu Cần, các công trình công cộng có quy mô phục vụ thị trấn, xã Phú Cần và toàn huyện;

+ Cụm phía Bắc (xã Hiếu Trung - xã Hiếu Từ): Trung tâm công cộng cụm xã thuộc xã Hiếu Trung, dọc theo Quốc lộ 60, bố trí gần khu vực Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong;

+ Cụm phía Đông Nam (xã Tập Ngãi - xã Ngãi Hùng - xã Tân Hùng): Trung tâm cụm xã bố trí dọc theo Đường tỉnh 912 và hướng tuyến Quốc lộ 60 dự kiến;

+ Cụm phía Tây Nam (xã Tân Hòa - xã Hùng Hòa): Trung tâm cụm xã bố trí gần hướng tuyến Quốc lộ 60 dự kiến và tuyến Đường huyện 38 nối dài, bố trí các công trình công cộng phục vụ xã Tân Hòa và Hùng Hòa.

- Các trục phát triển không gian chính:

+ Trục Đông Bắc - Tây Nam: Trục Quốc lộ 60 và trục Quốc lộ 60 dự kiến - hướng ra cầu Đại Ngãi;

+ Trục Tây Bắc - Đông Nam: Trục Quốc lộ 54;

+ Trục động lực phát triển: Trục Tiểu Cần - Cầu Quan.

+ Trục động lực phát triển công nghiệp cảng dọc sông Hậu (gắn với yếu tố kinh tế và thích ứng với biến đổi khí hậu).

- Hệ thống hạ tầng xã hội cấp vùng:

+ Bố trí thêm 03 trường trung học phổ thông, kết hợp với 04 trường hiện hữu, đảm bảo quy mô phục vụ đến năm 2030.

+ Các công trình thương mại dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao cấp vùng bố trí ở trung tâm cụm xã.

- Khu sản xuất ở khu công nghiệp Cầu Quan, khu vực Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong mở rộng và cụm công nghiệp Phú Cần.

5. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

Định hướng tuyến chính đô thị có tính xuyên suốt, lượng vận chuyển cao. Các tuyến đường nội bộ được xây dựng dựa trên việc đầu nối vào các tuyến đường chính, tạo mạng lưới giao thông thông suốt.

5.2. Cao độ nền và thoát nước mặt:

- Cao độ nền: Chọn cao độ xây dựng (∇_{xd}) $\geq +2,30m$, theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Trà Vinh.

- Thoát nước mưa:

+ Khu vực thị trấn Cầu Quan, Tiểu Cần và các trung tâm xã bố trí hệ thống thoát nước chung; các khu công nghiệp tổ chức thoát nước riêng.

+ Khu vực các ấp: Sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung.

5.3. Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt (Qsh): Khu vực đô thị 100 - 150 lít/người. ngày đêm; khu vực nông thôn 80 lít/người. ngày đêm.

+ Nước cho công trình công cộng: 10% Qsh.

+ Nước cho công nghiệp: 40 m³/ha. ngày đêm.

Ước

+ Nước rò rỉ, dự phòng: 10-15% tổng các loại nước.

- Định hướng quy hoạch mạng lưới cấp nước:

+ Khu vực đô thị: Giai đoạn ngắn hạn sử dụng và nâng cấp các giếng nước ngầm hiện hữu; đồng thời, xây mới một số trạm theo nhu cầu cần thiết. Giai đoạn dài hạn, khai thác sử dụng nguồn nước mặt.

+ Khu vực nông thôn: Nguồn cấp nước tiếp tục sử dụng từ các trạm cấp nước và giếng khoan hiện hữu để duy trì cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất; đồng thời, xây mới một số trạm theo nhu cầu cần thiết.

5.4. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Chỉ tiêu:

+ Thoát nước thải: 100% lưu lượng cấp nước sinh hoạt.

+ Chất thải rắn: Khu vực đô thị 0,9kg/người.ngày đêm, khu vực nông thôn 0,8kg/người.ngày đêm.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất nghĩa trang: 5 m²/mộ; nhà tang lễ ≥ 1 công trình/đô thị.

- Định hướng quy hoạch mạng lưới thoát nước:

+ Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa cho nước thải sinh hoạt; hệ thống thoát nước riêng cho nước thải công nghiệp.

+ Khu vực nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Phụ tải: Dự báo nhu cầu phụ tải khoảng 160,9 MW (189,3 MVA).

- Nguồn điện: Huyện Tiểu Cần tiếp nhận nguồn điện từ TBA 110/22kV 2x40MVA Trà Vinh, TBA 110/22kV 2x40MVA Trà Cú và TBA 110/22kV 2x40MVA Cầu Kè. Giai đoạn dài hạn, xây dựng mới một trạm biến áp TBA 110/22kV 2x40MVA Tiểu Cần tại ấp Đại Mong, xã Phú Cần cung cấp nguồn điện cho phụ tải huyện.

- Lưới điện: Cải tạo, nâng cấp, ngầm hóa các tuyến trung thế hiện hữu và xây dựng mới các tuyến trung hạ thế cung cấp điện cho khu quy hoạch.

5.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Dự báo mật độ phát triển đến năm 2030: Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân; số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân; số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính cung cấp đa dịch vụ bưu chính, viễn thông.

- Dự báo nhu cầu:
 - + Tổng số thuê bao điện thoại cố định: Khoảng 5.100 thuê bao.
 - + Tổng số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau): Khoảng 187.000 thuê bao.
 - + Tổng số thuê bao internet băng thông rộng: Khoảng 54.400 thuê bao.
- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại đáp ứng nhu cầu trên địa bàn huyện.
- Hạ tầng chuyên mạch, truyền dẫn, ngoại vi, di động, bưu chính được quan tâm, đầu tư phát triển, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong huyện.

5.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Thực hiện các giải pháp để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ tác động của môi trường:

- Kiểm soát chất lượng môi trường nước.
- Kiểm soát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn.
- Quản lý chất thải.

6. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Tập trung nguồn lực vào các dự án phát triển đô thị nhằm phấn đấu đạt các tiêu chuẩn của đô thị loại IV:

- + Khu công viên cây xanh trung tâm đô thị Tiểu Cần;
- + Trung tâm thương mại - dịch vụ hoặc siêu thị tại thị trấn Tiểu Cần;
- + Trung tâm cụm xã Đông Nam tại xã Tập Ngãi;
- + Trung tâm cụm xã phía Bắc tại xã Hiếu Tử;
- + Trung tâm cụm xã Tây Nam tại xã Hùng Hòa;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Cầu Quan và cụm công nghiệp Phú Cần;
- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật:
 - + Nâng cấp Quốc lộ 54, Quốc lộ 60, đường Võ Thị Sáu, đường Khóm 5,... mở mới trục cảnh quan, đường Trục Bắc Nam và đường Vành Đai phía Đông.
 - + Nâng cấp Tỉnh lộ 915, Đường huyện 6, Đường huyện 13, Đường huyện 26, đường Xóm Vó - An Cư - Định Bình, lộ Cây Ói..; mở mới Đường huyện 13 và một số đường trung tâm huyện.

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 (đính kèm). *ulu*

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

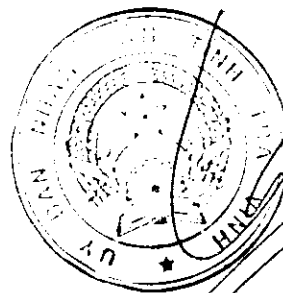
Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 5: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./ *uue*

Nơi nhận:

- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- BLĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TH, NN;
- Lưu: VT, CNXD. //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần,
tỉnh Trà Vinh đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 16/10/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 được phê duyệt.

Điều 2. Phạm vi ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới:

Khu vực lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, diện tích khoảng 227,2 km², ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Càng Long;
- Phía Nam giáp huyện Trà Cú và sông Hậu
- Phía Đông giáp huyện Châu Thành;
- Phía Tây giáp huyện Cầu Kè và sông Hậu.

2. Quy mô dân số:

- Hiện trạng : khoảng 112.363 người (thống kê tháng 12/2017);
- Đến năm 2020 : khoảng 137.000 người;
- Đến năm 2030 : khoảng 170.000 người.

3. Phạm vi đất đai vùng quản lý:

Gồm toàn bộ ranh giới huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, có diện tích khoảng 22.722,97 ha (khoảng 227,2 km²), trong đó có 2 thị trấn Tiểu Cần và thị trấn Cầu Quan, 9 xã gồm Phú Cần, Hiếu Trung, Hiếu Tử, Long Thới, Tân Hòa, Hùng Hòa, Tân Hùng, Ngãi Hùng và Tập Ngãi.

Vale

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

- Mô hình phát triển đô thị Tiểu Cần với 2 đô thị Tiểu Cần và Cầu Quan làm trung tâm phát triển chính; trong đó, định hướng đô thị Tiểu Cần đạt tiêu chí đô thị loại IV năm 2020. Định hướng đô thị hóa và tổ chức các tuyến giao thông kết nối 2 đô thị.

- Các khu trung tâm xã phát triển từ trung tâm hiện hữu.
- Hệ thống dân cư phát triển theo cụm và theo các tuyến giao thông chính.
- Các vùng phát triển: Phân bổ thành 5 cụm phát triển như sau:

+ **Cụm trung tâm:** Là thị trấn huyện lỵ - thị trấn Tiểu Cần là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Tiểu Cần. Xã Phú Cần giáp ranh phía Bắc, phía Tây của thị trấn, có Quốc lộ 60, Quốc lộ 54 đi ngang qua, có đủ điều kiện để phát triển kinh tế, đặc biệt về thương mại - dịch vụ phục vụ khu trung tâm. Quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 37.700 người và đến 2030 khoảng 46.000 người.

- Định hướng phát triển không gian cụm trung tâm huyện gắn liền với định hướng phát triển đô thị Tiểu Cần mở rộng đạt loại IV, trong đó thị trấn Tiểu Cần là trung tâm của đô thị mở rộng.

- Phía Bắc trung tâm thị trấn là hệ thống đường giao thông mới kết nối Quốc lộ 60 và Quốc lộ 54 và hướng về thị trấn Cầu Quan, sông Hậu. Đây là định hướng kết nối giao thông quan trọng của địa bàn huyện Tiểu Cần. Tuyến giao thông mới vừa rút ngắn thời gian di chuyển từ hướng Trà Vinh, Châu Thành về hướng Cầu Kè, vừa kết nối trực tiếp với khu vực thị trấn Cầu Quan, trong tương lai hình thành hệ thống cảng và khu công nghiệp dọc sông Hậu, làm động lực phát triển cho toàn vùng. Không gian đô thị phát triển từ trung tâm thị trấn đến tuyến đường tránh mới, đồng thời phát triển một phần dọc đường Quốc lộ 54 và Quốc lộ 60 hiện hữu. Xây dựng mới tuyến đường chính nối từ đường tránh vào phía trước khu Ủy ban nhân dân huyện, tạo thành trục cảnh quan chính đô thị, xung quanh bố trí các công trình hành chính, công cộng của huyện và thị trấn, công viên cây xanh phục vụ khu trung tâm.

- Phía Đông trung tâm thị trấn là hệ thống đường giao thông hướng Bắc - Nam có vai trò kết nối Quốc lộ 60 với Đường tỉnh 912; đồng thời, định hướng mở rộng không gian đô thị về phía Đông. Các trục đường Vành đai phía Đông, đường khóm 5, đường trục chính Bắc Nam và các Đường huyện 13, đường Ô Trao - Ô Trôm, đường Võ Thị Sáu nối dài tạo thành mạng lưới giao thông ô cờ hoàn chỉnh. Phía Bắc xây dựng khu sản xuất đô thị, kết hợp với khu dịch vụ, công trình công cộng và khu dân cư xây dựng mới. Phía Nam bố trí các

khu dân cư dọc đường Đường tỉnh 912 và các tuyến giao thông mở mới. Quy mô đất xây dựng khu trung tâm đến năm 2020 khoảng 700 ha và đến năm 2030 khoảng 780 ha.

+ Cụm phía Bắc gồm xã Hiếu Tử và xã Hiếu Trung, có diện tích khoảng 4.843,31 ha, dân số hiện trạng khoảng 22.989 người. Với Quốc lộ 60 đi ngang qua địa bàn, cụm phía Bắc là cửa ngõ của huyện Tiểu Cần, kết nối với huyện Châu Thành, thành phố Trà Vinh và các tỉnh khác. Quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 23.200 người, đến năm 2030 khoảng 27.000 người.

- Không gian phát triển từ trung tâm hành chính hiện hữu, kết hợp định hướng của đô thị loại IV và các tuyến đường giao thông mới. Với động lực phát triển quan trọng là khu công nghiệp Mỹ Phong hiện hữu, không gian sản xuất đô thị phát triển mạnh về phía Đông - nơi bố trí các khu công nghiệp, dịch vụ công nghiệp và khu vực phát triển công nghiệp dự trữ. Định hướng trong tương lai đây là khu vực phát triển sản xuất công nghiệp lớn nhất của huyện Tiểu Cần. Quy mô đất xây dựng đến năm 2020 khoảng 430 ha và đến năm 2030 khoảng 600 ha.

+ Cụm phía Tây gồm thị trấn Cầu Quan và xã Long Thới có diện tích khoảng 3.272,17 ha, dân số hiện trạng khoảng 22.806 người. Với tuyến đường động lực kết nối 2 thị trấn và tuyến đường động lực dọc sông Hậu, trong tương lai cụm phía Tây tiếp tục trở thành một cực phát triển của huyện Tiểu Cần. Quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 26.100 người và đến năm 2030 khoảng 38.000 người.

- Khu công nghiệp Cầu Quan (250 ha) dọc sông Hậu có điều kiện phát triển và mở rộng với điều kiện tiếp cận giao thông thuận tiện về đường thủy (sông Hậu, sông Cần Chông) và đường bộ (Quốc lộ 54, Quốc lộ 60, tuyến đường động lực kết nối 2 thị trấn).

- Dân cư đô thị tiếp tục phát triển từ các khu đô thị hiện hữu. Các điểm dân cư nông thôn phát triển dọc theo Quốc lộ 60, Đường tỉnh 915, Đường huyện 34, tuyến đường động lực nối 2 thị trấn... Vị trí giao lộ của 2 tuyến đường chính mới, bố trí cụm công trình trung tâm cụm xã gồm trường trung học phổ thông, trung tâm thương mại dịch vụ và trung tâm văn hóa - thể dục thể thao. Quy mô đất xây dựng đến năm 2020 khoảng 315 ha và đến năm 2030 khoảng 550 ha.

+ Cụm phía Tây Nam gồm xã Tân Hòa và xã Tân Hùng có diện tích tự nhiên khoảng 4.695,93 ha, dân số hiện trạng khoảng 19.118 người. Với tuyến Quốc lộ 60 dự kiến đi ngang qua phía Nam huyện và tuyến đường dọc sông Hậu, cụm Tây Nam huyện Tiểu Cần với lợi thế về vị trí và đường giao thông đối ngoại có thể phát triển khu công nghiệp dọc sông Hậu. Bố trí trung tâm cụm xã với trường trung học phổ thông, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao và trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng thuộc xã Hùng Hòa. Quy mô dân số đến năm

UUC

2020 khoảng 19.300 người, đến năm 2030 khoảng 22.000 người. Quy mô đất xây dựng đến năm 2020 khoảng 265 ha, đến năm 2030 khoảng 345ha.

+ Cụm Đông Nam gồm 3 xã Tân Hùng, Tập Ngãi và Ngãi Hùng, có diện tích tự nhiên khoảng 7.143,31 ha, dân số hiện trạng khoảng 29.513 người. Định hướng đến năm 2020, quy mô dân số cụm Đông Nam khoảng 19.300 người, đến năm 2030 khoảng 22.000 người. Định hướng tuyến đường Quốc lộ 60 dự kiến đi ngang qua là tuyến giao thông đối ngoại chính của huyện, hướng về cầu Đại Ngãi - qua tỉnh Sóc Trăng. Dự kiến bố trí trung tâm cụm xã gồm trường trung học phổ thông, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao và trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng ở vị trí giao giữa Đường tỉnh 912 và Quốc lộ 60 dự kiến. Quy mô đất xây dựng đến năm 2020 khoảng 365 ha, đến năm 2030 khoảng 445ha.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

- Hệ thống đô thị và nông thôn của huyện Tiểu Cần gồm 2 đô thị và 9 xã nông thôn, trong đó:

- Thị trấn Tiểu Cần là thị trấn huyện lỵ của huyện Tiểu Cần, dân số đến năm 2020 khoảng 26.500 người, đến năm 2030 khoảng 34.000 người. Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 400 ha. Thị trấn Tiểu Cần mở rộng (gồm thị trấn Tiểu Cần, xã Phú Cần, xã Hiếu Từ và một phần xã Tân Hòa) đạt quy mô đô thị loại IV và là trung tâm hạt nhân của thị xã Tiểu Cần sau năm 2020.

- Thị trấn Cầu Quan là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục và đầu mối giao thông của huyện Tiểu Cần, dân số đến năm 2020 khoảng 13.900 người, đến năm 2030 khoảng 24.000 người. Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2020 khoảng 165 ha và đến năm 2030 khoảng 380 ha.

- Xã Phú Cần có diện tích tự nhiên khoảng 2.362,62 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 11.200 người, diện tích đất xây dựng khoảng 300 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 12.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 380 ha. Dự kiến xã Phú Cần được sáp nhập vào thị trấn Tiểu Cần mở rộng.

- Xã Hiếu Từ có diện tích tự nhiên khoảng 2.637,85 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 12.300 người, diện tích đất xây dựng khoảng 300 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 14.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 440 ha. Dự kiến xã Hiếu Từ được sáp nhập vào thị trấn Tiểu Cần mở rộng.

- Xã Hiếu Trung có diện tích tự nhiên khoảng 2.205,46 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 10.900 người, diện tích đất xây dựng khoảng 130 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 13.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 160 ha.

- Xã Long Thới có diện tích tự nhiên khoảng 2.732,06 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 12.200 người, diện tích đất xây dựng khoảng 150 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 14.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 170 ha.

UCC

- Xã Tân Hòa có diện tích tự nhiên khoảng 2.848,84 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 12.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 175 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 13.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 235 ha.

- Xã Hùng Hòa có diện tích tự nhiên khoảng 1.847,09 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 7.300 người, diện tích đất xây dựng khoảng 90 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 9.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 110 ha.

- Xã Tân Hùng có diện tích tự nhiên khoảng 2.001,27 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 8.900 người, diện tích đất xây dựng khoảng 105 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 12.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 146 ha.

- Xã Ngãi Hùng có diện tích tự nhiên khoảng 1.902,71 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 7.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 90 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 9.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 110 ha.

- Xã Tập Ngãi có diện tích tự nhiên khoảng 3.239,23 ha. Dân số đến năm 2020 khoảng 14.300 người, diện tích đất xây dựng khoảng 170 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 16.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 190 ha.

Bảng thống kê dân số, quy mô diện tích đất xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn

TT	Đơn vị hành chính	Dân số (người)			Diện tích tự nhiên (ha)	Đất xây dựng (ha)	
		Hiện trạng	Năm 2020	Năm 2030		Năm 2020	Năm 2030
A	Cụm trung tâm	17.937	37.700	46.000	2.768,35	700,00	780,00
	Thị trấn Tiểu Cần	6.980	26.500	34.000	405,73	400,00	400,00
	Xã Phú Cần	10.957	11.200	12.000	2.362,62	300,00	380,00
B	Cụm phía Bắc	22.989	23.200	27.000	4.843,31	430,00	600,00
	Xã Hiếu Tử	12.127	12.300	14.000	2.637,85	300,00	440,00
	Xã Hiếu Trung	10.862	10.900	13.000	2.205,46	130,00	160,00
C	Cụm phía Tây	22.806	26.100	38.000	3.272,17	315,00	550,00
	Thị trấn Cầu Quan	10.757	13.900	24.000	540,11	165,00	380,00
	Xã Long Thới	12.049	12.200	14.000	2.732,06	150,00	170,00
D	Cụm Tây Nam	19.118	19.300	22.000	4.695,93	265,00	345,00
	Xã Tân Hòa	11.826	12.000	13.000	2.848,84	175,00	235,00
	Xã Hùng Hòa	7.292	7.300	9.000	1.847,09	90,00	110,00
E	Cụm Đông Nam	29.513	30.700	37.000	7.143,21	365,00	445,00
	Xã Tân Hùng	8.844	8.900	12.000	2.001,27	105,00	145,00
	Xã Tập Ngãi	13.248	14.300	16.000	3.239,23	170,00	190,00
	Xã Ngãi Hùng	7.421	7.500	9.000	1.902,71	90,00	110,00
	Tổng	112.363	137.000	170.000	22.722,97	2.075,00	2.720,00

Điều 5. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng:

1.1. Hệ thống công trình hành chính:

- Các cơ quan hành chính của huyện và các xã, thị trấn tiếp tục duy trì hoạt động tại các khu vực hiện tại.

- Nâng cấp một số trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo kế hoạch được phân bổ hàng năm.

- Trong giai đoạn phát triển trở thành đô thị loại IV và nâng cấp lên thành thị xã cần mở rộng, nâng cấp trụ sở hành chính huyện.

- Đầu tư xây dựng nâng cấp trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

1.2. Hệ thống công trình giáo dục:

- Các trường trung học phổ thông đảm bảo bán kính phục vụ được tính toán theo 5 cụm xã đảm bảo phục vụ cho quy mô dân số 20.000 - 30.000 người (2-3 đơn vị xã /thị trấn).

- Bổ trí thêm 03 trường trung học phổ thông, kết hợp với 04 trường hiện có, đảm bảo quy mô phục vụ 170.000 người đến năm 2030.

- Định hướng hệ thống công trình giáo dục cấp huyện có 07 trường:

+ Trường THPT Hiếu Tử;

+ Trường THPT Tiểu Cần (điểm chính ở Phú Cần, điểm phụ ở Tập Ngãi);

+ Trường THPT Cầu Quan;

+ Trường THPT Phú Cần (dân tộc nội trú – cấp 2,3);

+ Trường THPT Tập Ngãi (xây dựng mới – cụm Đông Nam);

+ Trường THPT Long Thới (xây dựng mới – cụm phía Tây);

+ Trường THPT Hùng Hòa (xây dựng mới – cụm Tây Nam).

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn về giáo dục quốc gia về phòng học, các phòng chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy và học.

1.3. Hệ thống công trình y tế:

- Công trình y tế phục vụ cho nhu cầu của nhân dân các xã: Duy trì hoạt động của hệ thống công trình y tế hiện hữu (mỗi xã, thị trấn có 01 trạm y tế) đảm bảo phục vụ nhu cầu toàn huyện.

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho toàn huyện.

- Khi huyện được nâng lên thành thị xã, có thể xây dựng các trung tâm y tế theo hướng xã hội hóa thuộc khu công trình trung tâm cụm xã để góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng y tế cho nhân dân toàn huyện.

1.4. Hệ thống công trình hạ tầng văn hóa - thể dục thể thao cấp vùng:

- Hệ thống các công trình trung tâm văn hóa và thể dục - thể thao chủ yếu được bố trí ở thị trấn nhưng đầu tư vẫn chưa hoàn chỉnh. Do đó cần định hướng phát triển các khu vực bố trí công trình văn hóa kết hợp với thể dục thể thao đảm bảo theo quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đáp ứng tầm nhìn huyện trở thành thị xã trong giai đoạn sau 2020.

- Các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp khu vực bố trí ở trung tâm cụm xã, có thể kết hợp gần vị trí trường trung học phổ thông.

+ Trung tâm cụm Đông Nam thuộc xã Tập Ngãi;

+ Trung tâm cụm Tây Nam thuộc xã Hùng Hòa;

+ Trung tâm cụm phía Bắc thuộc xã Hiếu Tử;

+ Trung tâm cụm phía Tây thuộc xã Long Thới và thị trấn Cầu Quan.

- Các công trình công viên cây xanh được định hướng kết hợp với các công trình thể dục thể thao, các công trình vui chơi giải trí cho thiếu nhi...

1.5. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ:

- Duy trì hoạt động các chợ xã, thị trấn và có kế hoạch nâng cấp hệ thống chợ phục vụ cho nhu cầu buôn bán của nhân dân các xã.

- Xây dựng mới chợ - trung tâm thương mại Phú Cần quy mô khoảng 0,8 ha thuộc ấp Đại Trường, phục vụ khu vực xã Phú Cần.

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

2.1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ: Theo hồ sơ lộ giới của quy hoạch giao thông.

- Chỉ giới xây dựng các tuyến đường trong đô thị Tiểu Cần và Cầu Quan sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết, tuân theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD.

2.2. Tổ chức giao thông:

- Giao thông liên vùng: Các tuyến quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện phải có tính kết nối liên vùng, ít giao cắt, chủ yếu bám theo hoặc nối tiếp các trục đường hiện hữu.

- Giao thông đô thị: Các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển hoặc phát triển có tính động lực.

- Giao thông nông thôn: Đảm bảo lộ giới và đặc tính kỹ thuật theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

2.3. Bến bãi:

- Bến cảng: Khu vực cảng Cầu Quan được duy trì hoạt động từ bến cảng hiện hữu. Khi có nhu cầu mở rộng cần phải có biện pháp gia cố bờ sông, khoanh vùng quản lý bến cảng, tránh gây hiện tượng ô nhiễm nguồn nước.

- Bến xe: Xây dựng bến xe khách mang tính chất phục vụ liên huyện, quy mô tối thiểu 3ha. Ưu tiên đặt bến xe tại khu vực ngoài đô thị nhằm phục vụ lượng hành khách và hàng hóa lớn của đô thị, đồng thời đảm bảo không gây cản trở giao thông khu vực trung tâm.

2.4. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Chọn cao độ xây dựng (∇_{xd}) $\geq +2,30m$, riêng các xã thuộc dự án đê bao Mãng Thít: Tân Hòa, Tân Hùng, Hùng Hòa, Ngãi Hùng chọn (∇_{xd}) $\geq +2,25m$ theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh.

- Xây dựng và bảo vệ hệ thống đê kè, đối với những vùng xung yếu, có biện pháp xây kè, đắp đập, bảo vệ đê kè.

- Xây đập, ngăn dòng hoặc xây dựng những công trình hỗ trợ cho công tác điều tiết dòng chảy của sông, kênh để hạn chế những tác hại của dòng chảy.

- Những biện pháp mang tính bền vững như trồng cây nước mặn tạo thành rừng và bảo vệ bờ sông rạch, các loại cây sống tốt và giữ đất tốt như: dừa nước, sù, vẹt, cần đước... vừa bảo vệ bờ sông, vừa tạo môi trường sống cho rất nhiều sinh vật, mang lại lợi ích cho người dân.

2.5. Công trình cấp nước:

- Đánh giá chất lượng nguồn nước thô trước khi đưa vào xử lý.

- Các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước mặt sinh hoạt.

2.6. Công trình xử lý nước thải:

Hand

- Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa. Giếng tách dòng đặt cuối tuyến cống, nước mưa thải ra kênh rạch, nước thải được dẫn về trạm xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 14: 2008/BTNMT.

- Nước thải công nghiệp: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Nước thải được dẫn về trạm xử lý, mỗi khu công nghiệp đều xây dựng trạm xử lý riêng. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT.

- Khu vực nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư. Xây dựng các tuyến cống thoát nước trên các trục đường chính dẫn nước ra kênh rạch gần nhất. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

- Đầu tư các dự án thoát nước tại các đô thị, thị xã, xây dựng trạm xử lý nước thải hợp vệ sinh... đảm bảo nhu cầu thoát nước cũng như bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường là cơ sở để thúc đẩy phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn huyện Tiểu Cần.

- Thùng rác trên các tuyến phố phải được bố trí hợp lý, đồng bộ, đảm bảo mỹ quan, có kích thước, kiểu dáng thích hợp, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

- Bể tự hoại: Xây dựng đúng quy cách và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình, phải có chất chống thấm đảm bảo không để chất ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với trạm xử lý nước thải: Phải có dải cách ly an toàn và thường xuyên quan trắc chất lượng môi trường nước và không khí.

- Nghiêm cấm các hành vi đầu nối vào hệ thống cấp thoát nước mà không có sự cho phép của các cơ quan chức năng.

- Nghiêm cấm mọi trường hợp cho nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp xuống hệ thống kênh rạch, nếu phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

2.7. Trạm biến áp:

Xây dựng mới 01 trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Tiểu Cần, thuộc giai đoạn 2021 - 2025. Giai đoạn 1 lắp máy 1x40MVA, giai đoạn 2 lắp máy 2x40MVA tại ấp Đại Mong, xã Phú Cần, cung cấp nguồn điện cho phụ tải huyện.

Ude

Điều 6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Giao thông:

- Đối với đường ngoài đô thị: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Hệ thống giao thông nông thôn: Phải được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình đầu tư xây dựng theo QCVN 14:2009/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch nông thôn, các chương trình, đề án xây dựng nông thôn mới.

- Không được xây dựng trên đất hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Hệ thống điện:

❖ Trạm biến áp 110kV (Đại Mong, Phú Cần):

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất (đáy cọc của móng cọc) của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn 3m.

- Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện; đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây truyền tải điện trên không (ĐDK); không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

- Đối với các trạm có điện áp 22kV không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; Khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

❖ Đường dây cao thế 110kV, trung thế 22kV:

- Đối với đường dây 110kV đi qua các xã Hùng Hòa, Tân Hòa và Phú Cần, hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không đối với điện áp 110 kV là 4,0m ngoài cùng về mỗi phía (căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ).

- Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

- Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh:

Điện áp	22kV		110kV
	Dây bọc	Dây trần	
Khoảng cách	1,0	2,0	4,0

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột (đáy cọc của móng cọc) đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng:

Điện áp	22kV	110kV
Khoảng cách (m)	2,0	3,0

- Khoảng cách nhỏ nhất từ dây dẫn đến cây:

Mô tả chi tiết khoảng cách	Điện áp (kV)	Loại dây dẫn	Khoảng cách nhỏ nhất (m)
Đối với ĐDK có điện áp đến 35kV trong thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	1,5
Đối với ĐDK có điện áp từ 110kV trong thị xã, thị trấn thì không được để cây cao hơn dây dẫn thấp nhất trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được UBND tỉnh cho phép. Khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn khi dây ở trạng thái võng cực đại	110	Dây trần	2,0
Khoảng cách an toàn từ dây dẫn ở trạng thái võng cực đại đến phần bất kỳ của các cây ngoài thị xã, thị trấn	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	2
Đối với ĐDK vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vườn trồng cây thì khoảng cách theo phương thẳng đứng từ dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại đến cây khi đạt tới chiều cao lớn nhất	110	Dây trần	3

- Khoảng cách an toàn nhỏ nhất của các phương tiện hoạt động trong hành lang an toàn

Điện áp	22kV	110kV
Khoảng cách (m)	4,0	6,0

- Khoảng cách hành lang an toàn của đường cáp ngầm trong đất hoặc trong nước

Loại cáp điện	Đặt trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách nằm ngang (m)	1,0	1,5	20,0	100,0
Độ sâu (m)	1,5			

❖ Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: Khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40 - 50 m, khoảng cách từ chân cột đến công trình xây dựng khác là 5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 5m.

❖ Bố trí các đường dây đường, ống hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cách chi giới đường đỏ 0,5m và khoảng cách các công trình ngầm phải tuân theo QCVN 01: 2008/BXD.

3. Thoát nước và xử lý nước thải:

- Trạm/nhà máy xử lý nước thải phải có thiết bị thu gom và khử mùi hoặc phải có các giải pháp ngăn ngừa mùi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh, tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT.

- Trạm trung chuyển chất thải rắn phải đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ; thu gom và xử lý nước thải; khử mùi.

4. Đường dây, đường ống:

- Bố trí các đường ống ngầm phải đảm bảo chiều sâu và có khoảng cách theo chiều ngang không ảnh hưởng lẫn nhau và an toàn trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm và các công trình trên mặt đất có liên quan;

- Việc đấu nối các đường ống ngầm với nhau và các công trình ngầm khác phải đảm bảo thuận tiện, an toàn và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật;

- Khoảng cách giữa các đường ống cấp nước có đường kính lớn hơn 300mm và với cáp thông tin không được nhỏ hơn 1m;

- Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đối với công trình ngầm cần thực hiện phù hợp với QCVN, TCXD và các quy định hiện hành khác có liên quan.

5. Đánh giá môi trường chiến lược: